TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2026/HS-PT
Ngày: 15/6/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phan Thị Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Thị Thanh T1 - sinh ngày 12/9/1985 tại tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi); số CCCD: 062185000317, cấp ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục Q1 - Bộ C2; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị Kim L (đều chết); có chồng: Đặng Văn T2 (sinh năm 1979) và có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2024. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 theo chỉ định của Tòa án: ông Vũ Anh M - Luật sư của Văn phòng L1 ư Vũ Gia C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số H đường B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

-Bị hại có kháng cáo: bà Nguyễn Thị B1 - sinh năm 1969; địa chỉ: số B đường Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B1: ông Lê Á - sinh năm 1964; địa chỉ: số B đường Đ, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* ông Đặng Văn T3 - sinh năm 1974; địa chỉ: số E đường B, thôn A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum (nay xã S, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hiếu Hòa T4 - sinh năm 1978 (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2026); địa chỉ: số B đường A, khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T4 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Võ Thị Tuyết N - sinh năm 1981; địa chỉ: thôn A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum (nay là thôn A, xã S, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phước T5 - sinh năm 1986; địa chỉ: tổ D, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là tổ D, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị T6 - sinh năm 1978; địa chỉ: thôn B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ cho nhiều người và để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024, Nguyễn Thị Thanh T1 đã đưa ra thông tin gian dối với bà Phạm Thị L2 và bà Nguyễn Thị B1 là: "vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách", "vay mượn tiền cho chị Đặng Thị Thu H (là chị dâu của T1 làm việc tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện S cũ) để làm đáo hạn ngân hàng cho khách", "H đang dùng tiền quỹ để đáo hạn nên thâm hụt số tiền 8.000.000.000đồng. Hiện cần gấp số tiền 8.000.000.000đồng để bù vào" để vay mượn tiền của những người này. Vì tin tưởng vào thông tin gian dối do Nguyễn Thị Thanh T1 đưa ra là thật nên bà Phạm Thị L2 và bà Nguyễn Thị B1 đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Thị Thanh T1 vay với mức lãi suất từ 1.200đồng/triệu/ngày đến 2.000đồng/triệu/ngày tuỳ thuộc vào từng khoản vay. Sau khi nhận được tiền từ những người này, Nguyễn Thị Thanh T1 không sử dụng để đáo hạn ngân hàng, cũng không đưa cho bà Đặng Thị Thu H để làm đáo hạn ngân hàng như thông tin đưa ra khi vay mà chiếm đoạt để sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. T1 đã chiếm đoạt của 02 bị hại Nguyễn Thị B1 và Phạm Thị L2 tổng cộng số tiền 23.150.000.000đồng, trong đó của bà Nguyễn Thị B1 3.400.000.000đồng và bà Phạm Thị L2 19.750.000.000đồng. Cụ thể như sau:

* Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại Nguyễn Thị B1:

Do cần tiền để trả nợ nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/12/2023 đến ngày 28/5/2024, Nguyễn Thị Thanh T1 đã gặp bà Nguyễn Thị B1 và đưa ra thông tin gian dối là: "cần tiền đáo hạn ngân hàng cho khách" để đề nghị vay mượn tiền. Tin tưởng thông tin T1 đưa ra nên bà B1 đã nhiều lần đưa cho Nguyễn Thị Thanh T1 với tổng số tiền 3.400.000.000đồng. Ngày 27/12/2023, bà B1 đưa tiền mặt cho T1 số tiền 1.000.000.000đồng, T1 sử dụng hết số tiền này để trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết N.

Ngày 08/5/2024, bà Nguyễn Thị B1 chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho T1 số tiền 1.100.000.000đồng, T1 sử dụng để trả nợ cho Nguyễn Thị Phước T5 394.000.000đồng, trả nợ cho bà Đặng Thị T6 700.000.000đồng thông qua việc chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Tấn Q và sử dụng 6.000.000đồng vào việc cá nhân.

Ngày 19/5/2024, bà Nguyễn Thị B1 cho T1 vay số tiền 800.000.000đồng, T1 đã dùng vào việc trả nợ cho bà Đặng Thị T6.

Ngày 28/5/2024, bà Nguyễn Thị Bích C1 vào tài khoản ngân hàng cho T1 vay số tiền 700.000.000đồng, T1 sử dụng vào việc trả nợ cho ông Đặng Văn T3 500.000.000đồng, trả nợ cho bà Đặng Thị T6 thông qua việc chuyển vào tài khoản của Nguyễn Tấn Q số tiền 200.000.000đồng.

Ngày 03/6/2024, bà Nguyễn Thị Bích N1 thông tin T1 vỡ nợ nên gọi T1 đến gặp để chốt nợ. Qua kiểm tra, hai bên xác định T1 còn nợ bà B1 tổng số tiền 3.600.000.000đồng, T1 có viết 01 giấy mượn tiền đề ngày 03/6/2024. Đến ngày 07/6/2024, bà Nguyễn Thị B1 gọi T1 tới gặp bà và yêu cầu gọi chồng T1 là ông Đặng Văn T7 đến. Bà Nguyễn Thị Bích N2 cho ông Đặng Văn T7 biết về việc T1 nợ tiền bà và yêu cầu ông T7 ký vào Giấy cam kết và xác nhận để thể hiện số tiền nợ 3.600.000.000đồng. Ông T7 ký rồi ra về. Ngày 11/6/2024, T1 trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền 200.000.000đồng; còn nợ và chiếm đoạt 3.400.000.000đồng.

* Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại Phạm Thị L2:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến ngày 30/5/2024, Nguyễn Thị Thanh T1 đã gặp bà Phạm Thị L2 và đưa ra thông tin gian dối là cần: "vay mượn tiền cho chị H để làm đáo hạn ngân hàng cho khách", "H đang dùng tiền quỹ để đáo hạn nên thâm hụt số tiền 8.000.000.000đồng. Hiện cần gấp số tiền 8.000.000.000đồng để bù vào" để vay mượn tiền của bà Phạm Thị L2. Tin tưởng thông tin T1 đưa ra nên bà Phạm Thị L2 đã đồng ý cho T1 vay và nhiều lần đưa tiền cho T1. Sau khi nhận được tiền của bà Phạm Thị L2, T1 dùng để trả nợ cho các cá nhân T1 đã vay mượn trước đó và tiêu xài cá nhân. Sau khi đối chiếu, chốt các khoản vay nợ thì T1 còn nợ bà Phạm Thị L2 số tiền 21.150.000.000đồng. Khi bà Phạm Thị L2 yêu cầu trả số tiền trên thì T1 báo cho bà Phạm Thị L2 biết về việc vỡ nợ. Sau đó, T1 trả cho bà Phạm Thị L2 400.000.000đồng và giá trị quyền sử

dụng của 04 thửa đất trị giá 1.000.000.000đồng, còn chiếm đoạt của bà Phạm Thị L2 19.750.000.000đồng. Cụ thể:

Ngày 16/10/2023, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay số tiền 2.600.000.000đồng (trong đó: chuyển vào tài khoản của T1 40.000.000đồng và đưa tiền mặt 2.560.000.000đồng). Sau khi nhận được tiền, T1 chuyển số tiền 1.026.400.000đồng để trả cho ông Đặng Văn T3, số tiền 1.573.600.000đồng còn lại T1 sử dụng để trả nợ (không nhớ trả nợ cho ai).

Ngày 30/10/2023, bà Phạm Thị L2 chuyển khoản cho T1 vay số tiền 400.000.000đồng, T1 sử dụng để trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết N 400.000.000đồng. Ngày 27/4/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay thêm số tiền 500.000.000đồng, T1 dùng để trả nợ (không nhớ trả nợ cho ai).

Với thủ đoạn trên, ngày 08/4/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay số tiền 8.000.000.000đồng (trong đó: chuyển khoản 4.490.000.000đồng, đưa tiền mặt số tiền 3.510.000.000đồng), T1 sử dụng 1.680.000.000đồng để chuyển trả cho ông Đặng Văn T3; sử dụng số tiền 2.900.000.000đồng để trả cho ông Nguyễn Tấn Đ. Số tiền còn lại 3.420.000.000đồng, T1 sử dụng để trả nợ (không nhớ đã trả cho ai). Ngày 18/5/2024, T1 trả cho bà Phạm Thị L2 số tiền 4.000.000.000đồng và cho biết số tiền thâm hụt quỹ đang được sử dụng để đáo hạn ngân hàng, sau khi giải ngân sẽ trả lại số tiền 4.000.000.000đồng còn nợ cho bà Phạm Thị L2.

Ngày 20/5/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay số tiền 8.000.000.000đồng (trong đó: chuyển khoản 4.150.000.000đồng, đưa tiền mặt 3.850.000.000đồng), T1 dùng số tiền 11.250.000đồng để trả cho bà Đặng Thị T8; dùng 13.300.000đồng để trả nợ cho bà Đặng Thị Thu H; dùng 3.300.000.000đồng để trả cho bà Võ Thị Tuyết N thông qua chuyển khoản cho ông Đặng Thế N3; dùng 300.000.000đồng để trả nợ cho ông Đặng Văn T3; dùng 250.000.000đồng trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phước T5; dùng 504.000.000đồng để trả nợ cho các khoản vay mượn trước đây T1 còn nợ bà Nguyễn Thị Bích .

Ngày 23/5/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay số tiền 2.700.000.000đồng, T1 sử dụng để trả nợ (không nhớ đã trả cho ai).

Ngày 28/5/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay số tiền 1.000.000.000đồng (trong đó: chuyển khoản 320.000.000đồng và đưa tiền mặt 680.000.000đồng), T1 dùng 313.000.000đồng trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh X và dùng 7.000.000đồng vào mục đích cá nhân; số tiền còn lại 680.000.000đồng, T1 sử dụng để trả nợ (không nhớ đã trả cho ai).

Ngày 30/5/2024, bà Phạm Thị L2 cho T1 vay 1.950.000.000đồng, T1 sử dụng 1.740.000.000đồng để trả nợ cho ông Nguyễn Tấn Đ; sử dụng 120.000.000đồng chuyển cho ông Đặng Thế N3 để trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết N; sử dụng 35.000.000đồng để trả nợ cho bà Đặng Thị T8; chuyển 18.000.000đồng để trả nợ cho bà Đặng Thị T9; số tiền còn lại 39.000.000đồng T1 sử dụng vào mục đích cá nhân.

Cùng ngày 30/5/2024, bà Phạm Thị L2 và T1 kiểm tra các khoản vay mượn và chốt lại số tiền T1 còn nợ bà Phạm Thị L2 21.150.000.000đồng. Sau khi cấn trừ một số tài sản, T1 chiếm đoạt của bà Phạm Thị L2 số tiền 19.750.000.000đồng.

* Tại Kết luận giám định số 266/KL-KTHS ngày 05/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: chữ viết phần nội dung, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thanh T1 dưới mục "Người nhận tiền" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); dưới mục "Người viết" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Thanh T1 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra (Giấy vay tiền bà Nguyễn Thị B1).

* Tại Kết luận giám định số 370/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: chữ viết "Nguyễn Thị Thanh T1" dưới mục "Đại diện bên vay" trên tài liệu cần giám định với chữ viết của Nguyễn Thị Thanh T1 trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra còn đối với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thanh T1 dưới mục "Đại diện bên vay" trên tài liệu cần giám định với chữ ký của Nguyễn Thị Thanh T1 các tài liệu mẫu so sánh khác dạng, không có giá trị để kết luận. Căn cứ khoản 1 Điều 24 của Luật Giám định tư pháp năm 2012, Phòng K Công an tỉnh K từ chối giám định yêu cầu này (trong Giấy vay nợ bà Phạm Thị L2, chữ ký này của T1 ký khác với chữ ký bình thường của T1, quá trình điều tra T1 vẫn thừa nhận đây là chữ viết, chữ ký của T1 trong giấy vay nợ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 25/2026/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thanh T1 19 (mười chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2024.

2. Về dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 592 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bà Đặng Thị T6 phải trả lại số tiền 200.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Bích .

- Buộc ông Đặng Văn T3 phải trả lại số tiền 421.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Bích .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2026, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/02/2026, bị hại bà Nguyễn Thị B1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Võ Thị Tuyết N phải trả cho bà 1.000.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Phước

T5 phải trả cho bà 394.000.000đồng, bà Đặng Thị T6 phải trả thêm cho bà 1.500.000.000đồng và buộc ông Đặng Văn T3 phải trả thêm cho bà 79.000.000đồng.

Ngày 11/02/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3 kháng cáo không đồng ý truy thu số tiền 421.000.000đồng. Ông T3 cho rằng ngày 28/5/2024, bị cáo T1 chuyển cho ông 500.000.000đồng, nhưng cùng ngày ông đã chuyển ngược số tiền 479.000.000đồng lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1. Ngày 29/5/2024, ông còn cho bị cáo T1 mượn 300.000.000đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 và bị hại bà Nguyễn Thị Bích G nguyên nội dung kháng cáo.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

+ Tòa án cấp sơ thẩm xử mức án 19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là phù hợp, đúng người, đúng tội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

+ Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B1 thì thấy: số tiền bị cáo T1 trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết N 1.000.000.000đồng và trả cho bà Nguyễn Thị Phước T5 394.000.000đồng thì sau khi nhận tiền, bà N đã nhờ con trai là Đặng Thế N3 chuyển khoản ngược lại cho bị cáo T1; bà T5 cũng đã chuyển ngược lại số tiền tương đương hoặc lớn hơn cho bị cáo T1; đối với số tiền 700.000.000đồng mà bị cáo trả cho bà Đặng Thị T6 thì không xác định được số tiền này có phải là tiền của bị cáo hay tiền của bà Nguyễn Thị Bích N4 không xác định được cụ thể dòng tiền. Như vậy, số tiền phạm tội đã được trả ngược lại cho bị cáo, không còn nằm trong sự chiếm giữ của người được trả nợ và không phân tách được dòng tiền nên án sơ thẩm không truy thu là đúng. Đối với số tiền 800.000.000đồng bị cáo T1 chiếm đoạt của bà B1 ngày 19/5/2024, sau đó trả nợ cho bà Đặng Thị T6 thì không có chứng cứ thể hiện bị cáo trả nợ cho bà T6 số tiền này nên không có cơ sở truy thu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích .

+ Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3 thì thấy: ngày 28/5/2024, bị cáo T1 chiếm đoạt của bà B1 số tiền 700.000.000đồng, bị cáo chuyển trả cho ông Đặng Văn T3 500.000.000đồng. Tuy nhiên, sau đó, ông T3 đã chuyển trả lại cho bị cáo T1 79.000.000đồng nên án sơ thẩm tuyên truy thu của ông T3 421.000.000đồng để trả lại cho bà B1 là đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T3.

- Luật sư Vũ Anh M bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 cho rằng: sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cá T1 xuất trình tài liệu thể hiện gia đình có công cách mạng (bà nội của bị cáo T1), nộp số tiền bồi thường 20.000.000đồng và tại

phiên tòa hôm nay bị hại bà Nguyễn Thị Bích X1 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Thị Thanh T1 đã đưa ra thông tin gian dối với bà Phạm Thị L2 và bà Nguyễn Thị Bích R: cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khách hàng, vay mượn tiền cho bà H để làm đáo hạn ngân hàng cho khách hàng. Tin tưởng lời bị cáo T1 nói là thật nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 5/2024, bà Phạm Thị L2 và bà Nguyễn Thị B1 đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo T1. Tuy nhiên, sau đó, bị cáo T1 chiếm đoạt toàn bộ số tiền này, sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử thấy: trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo T1 đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Cụ thể: chiếm đoạt của bà Phạm Thị L2 số tiền 19.750.000.000đồng và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 số tiền 3.400.000.000đồng, tổng cộng 23.150.000.000đồng nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo T1 thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo T1 xuất trình tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công cách mạng (bà nội của bị cáo T1 là Bà Mẹ Việt Nam Anh H1), nộp số tiền 20.000.000đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Nguyễn Thị Bích xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1, nhưng xét mức án 19 năm tù là thỏa đáng, không nặng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 cũng như lời bào chữa của Luật sư; mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B1, Hội đồng xét xử thấy: về số tiền 1.000.000.000đồng bị cáo T1 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 27/12/2023 sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc trả nợ cho bà Võ Thị Tuyết N thì thấy: sau khi nhận tiền từ bị cáo T1, bà N đã nhờ con trai là ông Đặng Thế N3

chuyển khoản ngược lại cho bị cáo T1. Tương tự, về số tiền 1.100.000.000đồng bị cáo T1 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 08/5/2024 đã sử dụng số tiền 394.000.000đồng vào việc trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phước T5 và sử dụng số tiền 700.000.000đồng trả nợ cho bà Đặng Thị T6 (qua tài khoản ông Nguyễn Tấn Q) thì thấy: sau khi nhận tiền từ bị cáo T1, bà T5 cũng đã chuyển ngược lại số tiền tương đương hoặc lớn hơn cho bị cáo T1. Riêng số tiền 700.000.000đồng trả nợ cho bà Đặng Thị T6 thì tại bút lục số 461 thể hiện: ngoài khoản tiền bà Nguyễn Thị Bích C1 còn có số tiền dư trong tài khoản của bị cáo T1; bị cáo T1 không xác định được số tiền này là tiền của bị cáo hay tiền của bà Nguyễn Thị B1 chuyển khoản nên không xác định được cụ thể dòng tiền. Xét các giao dịch nêu trên được thể hiện rõ tại các chứng từ sao kê ngân hàng (các bút lục số 439, 440, 441, 442, 464). Như vậy, số tiền bị cáo T1 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 dùng vào việc trả nợ cho bà N, bà T5 đã được bà N, bà T5 trả ngược lại cho bị cáo T1, không còn nằm trong sự chiếm giữ của bà N, bà T5 và số tiền trả cho bà T6 thì không phân tách được dòng tiền.

Về số tiền 800.000.000đồng bị cáo T1 chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 vào ngày 19/5/2024 đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc trả nợ cho bà Đặng Thị T6 thì thấy: theo lời khai của bị cáo T1 tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai của bà Đặng Thị T6 tại các bút lục số 149, 150 thể hiện rằng khi nhận được tiền, bị cáo T1 đã trả tiền mặt cho bà Đặng Thị T6 nhưng cả bà Đặng Thị T6 và bị cáo T1 đều không nhớ trả vào thời gian nào và bà Đặng Thị T6 khai đã đưa lại số tiền này cho bị cáo T1 nhưng cũng không nhớ đưa vào thời gian nào và cũng không có chứng cứ thể hiện việc bị cáo T1 trả số tiền 800.000.000đồng cho bà Đặng Thị T6. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên truy thu của bà N, bà T5 và bà T6 là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Bích .

[4] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo T1 đã dùng số tiền chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị B1 để trả nợ cho ông Đặng Văn T3 500.000.000đồng, ông T3 lại chuyển trả cho bị cáo T1 79.000.000đồng (bút lục số 468), còn nhận 421.000.000đồng. Như vậy, đây là tiền do phạm tội mà có, là vật chứng của vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đặng Văn T3 phải trả lại số tiền nêu trên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với số tiền mà bị cáo T1 đã chiếm đoạt của bị hại là đúng quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn T3.

[5] Về án phí phúc thẩm: do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1, không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị B1 và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T3; giữ nguyên hình phạt và biện pháp tư pháp của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2026/HS-ST ngày 26/01/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thanh T1 **19** (mười chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2024.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Xử:

- Buộc bà Đặng Thị T6 phải trả lại số tiền 200.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Bích .

- Buộc ông Đặng Văn T3 phải trả lại số tiền 421.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị Bích .

3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đồng của ông Đặng Văn T2 (là chồng của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000935 ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên